

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2025

V/việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình "

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lô Văn Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lim Minh Sáng và bà Hà Thị Ngọc Hiếu

**- Thư ký phiên toà:** Ông Tăng Thành Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:** Ông Vi Ngọc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Huyền Th. Sinh năm 1996.

Trú tại: Xóm H Th, xã Ch Q, huyện Q H, tỉnh Ng A.

Tạm trú: Khối 4, thị trấn T L, huyện Q Ch, tỉnh Ng A.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình Đạt. Sinh năm 1993.

Trú tại: Bản K B, xã Ch H, huyện Q Ch, tỉnh Ng A.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Huyền Thương trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Nguyễn Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/11/2019. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung cùng bố, mẹ đẻ của anh Đ là ông Nguyễn Đình K và bà Nông Thị Th tại bản K B, xã Ch H, huyện Q Ch, tỉnh Ng A, đến khoảng cuối năm 2022 thì thuê ột và ra ở riêng tại khối 4, thị trấn T L, huyện Q Ch, tỉnh Ng A và sống ly thân cho đến nay. Quá trình chung sống không hòa hợp về tính cách và thường xuyên xảy ra cãi vã, sau nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ.

- Về quan hệ con cái: Chị Trần Thị Huyền Th và anh Nguyễn Đình Đ có một người con chung tên là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 21/6/2020. Ngoài ra vợ chồng không nhận nuôi con nuôi và bản thân chị Th không có con riêng. Ly hôn,

chị Th đề nghị được giao nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Chị Trần Thị Huyền Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Trần Thị Huyền Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/11/2019. Anh Đ cho rằng trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Ngoài ra, trong thời gian anh phải chấp hành án phạt tù thì chị Th có quan hệ ngoại tình. Sau khi chấp hành án trở về địa phương, anh vẫn nhiều lần phát hiện chị Th ngoại tình nhưng anh vẫn bỏ qua và muốn hàn gắn để chăm lo cho con cái. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huyền Th.

- Về quan hệ con cái: Vợ chồng có một người con chung đúng như chị Th đã trình bày. Nếu ly hôn, anh Đ đồng ý giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Đ sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng 2.000.000<sup>d</sup> (Hai triệu đồng) đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản: Anh Nguyễn Đình Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, vợ chồng có vay nợ của anh Nguyễn Đình T, trú tại bản K B, xã Ch H, huyện Q Ch, tỉnh Ng A số tiền 70.000.000<sup>d</sup> (Bảy mươi triệu đồng) để mở quán cho chị Th. Nay ly hôn, anh Đ đề nghị chị Th phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Trần Thị Huyền Th được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ; Đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 21/6/2020 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đình Đ. Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn cư trú tại xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt từ giai đoạn kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án mặc dù đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Xét thấy, bị đơn có nơi cư trú rõ ràng, có tham gia quá trình giải quyết vụ án nhưng không đầy đủ, cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, hiện nay đi làm ăn xa, không có mặt tại địa

phương, ngoài ra bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền Th và anh Nguyễn Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Đ là hợp pháp. Chị Th cho rằng quá trình chung sống không hòa hợp về tính cách và thường xuyên xảy ra cãi vã, sau nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vì vậy chị Th nhất quyết ly hôn với anh Đ. Còn anh Đ cho rằng trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Ngoài ra, trong thời gian anh phải chấp hành án phạt tù thì chị Th có quan hệ ngoại tình. Sau khi chấp hành án trở về địa phương, anh vẫn nhiều lần phát hiện chị Th ngoại tình nhưng anh vẫn bỏ qua và muốn hàn gắn để chăm lo cho con cái nên không đồng ý ly hôn với chị Th. Anh Đ có mặt trong quá trình lấy lời khai nhưng vắng mặt từ giai đoạn kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án mà không có lý do. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được hiện nay anh Đ không có mặt ở nhà và đi khỏi địa phương, cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ, không hợp tác và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, anh Đ đã không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Xét thấy, chị Th và anh Đ đã có một thời gian dài sống ly thân nhau, hiện không còn quan tâm hay chăm sóc gì đến nhau nữa, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Trần Thị Huyền Th được ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ, điều này là phù hợp với thực tế cuộc sống và cũng phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con cái: Chị Trần Thị Huyền Th và anh Nguyễn Đình Đ có một con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 21/6/2020. Ngoài ra vợ chồng không nhận nuôi con nuôi và không ai có con riêng. Xét thấy, chị Th hiện nay có công việc và thu nhập ổn định. Ly hôn, anh Đ cũng đồng ý giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Trần Thị Huyền Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành. Quá trình lấy lời khai thời gian đầu thì anh Đ đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không có mặt để tham gia giải quyết vụ án, không có mặt tham gia quá trình giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời chị Th cũng không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đình Đ.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị Huyền Th và anh Nguyễn Đình Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về nợ: Anh Nguyễn Đình Đ cho rằng vợ chồng có nợ anh Nguyễn Đình Đ T số tiền 70.000.000<sup>d</sup> (Bảy mươi triệu đồng). Chị Th thừa nhận đây là nợ chung và chị Th sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng

anh Nguyễn Đình Đ không có mặt để cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về khoản nợ trên. Do đó, tách yêu cầu giải quyết nợ chung của anh Nguyễn Đình Đ. Sau này, nếu các bên đương sự có tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Huyền Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huyền Th. Cho chị Trần Thị Huyền Th được ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ.

- Về giao nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 21/6/2020 cho chị Trần Thị Huyền Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đình Đ.

Anh Nguyễn Đình Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

- Về án phí: Chị Trần Thị Huyền Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền chị Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009786 ngày 15 tháng 01 năm 2025. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các bên đều được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

#### **Nơi nhận:**

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND h Quỳnh Châu; VKSND tỉnh Nghệ An;
- Phòng KTNV&THAHS TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- UBND xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu văn phòng.

**Lô Văn Linh**